TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 114/2018/QĐST-HNGĐ	*Năm Căn, ngày 15 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 214/2018/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L (Nguyễn Thị L), sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng C và bà Nguyễn Thị Hồng L (Nguyễn Thị L).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng C và bà Nguyễn Thị Hồng L thuận tình ly hôn với nhau.

- Về nuôi con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2000 (nam), Nguyễn Tỷ P, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2004 (nam); Nguyễn Kim C, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2007 (nữ), hiện nay đang sống chung với ông C. Khi ly hôn ông C, bà L tự thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Hoàng C tự nguyện hỗ trợ bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông C chậm giao tiền cho bà L thì hàng tháng ông C còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm giao tiền tại thời điểm thi hành án.

- Về tài sản chung và công nợ: Ông C, bà L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch các đương sự chịu 50% (ông C, bà L mỗi người nộp 75.000 đồng), ông C đồng ý nộp toàn bộ án phí bằng 150.000 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu 50% án phí có giá ngạch. Ông C đồng ý nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng số tiền 150.000 đồng.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 ông C đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0016100 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được xem xét đối trừ, ông C không phải nộp thêm án phí.

- Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền